

ÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Số: 247/2020/CBTT - CMC

(V/v: Báo cáo tài chính bán niên
soát xét năm 2020)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Trì, ngày 14 tháng 8 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên đơn vị: Công ty Cổ phần CMC
2. Mã chứng khoán: CVT
3. Trụ sở chính: Lô B10, B11 – KCN Thụy Vân – Xã Thụy Vân – TP Việt Trì – Tỉnh Phú Thọ.

4. Điện thoại: 02103 991706

Fax: 02103 991800

5. Người thực hiện công bố thông tin

- Họ và tên : Nguyễn Quang Huy

Chức vụ: Tổng giám đốc

- Địa chỉ: Phường Vân Cơ – TP Việt Trì – Tỉnh Phú Thọ

Loại thông tin công bố: 24^h 72^h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

6. Nội dung thông tin công bố

Công bố thông tin Báo cáo tài tổng hợp bán niên năm 2020 được lập ngày 14/8/2020 bao gồm: Báo cáo của Ban tổng giám đốc, báo cáo kết quả công tác soát xét của kiểm toán, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp bán niên năm 2020.

Thông tin này đã được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2020 tại đường link: <http://www.cmctile.com.vn/cac-thong-tin-cong-bo/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi

- Lưu: TCHC

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Quang Huy



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|--|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2-4 |
| Báo cáo kết quả công tác soát xét | 5-6 |
| Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét | 7-43 |
| <i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020</i> | <i>7-10</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i> | <i>11</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i> | <i>12-13</i> |
| <i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i> | <i>14-41</i> |
| <i>Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i> | <i>42-43</i> |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần CMC là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Công nghiệp Bê tông và Vật liệu Xây dựng theo Quyết định số 484/QĐ - BXD ngày 23 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000395 ngày 20 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do các thay đổi về người đại diện theo pháp luật, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ và thông tin chi nhánh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần hay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc thay đổi vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10: 366.908.870.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ
Điện thoại : 0210.3 991 706
Fax : 0210.3 991 800
Mã số thuế : 2 6 0 0 1 0 6 5 2 3

Các đơn vị trực thuộc:

| <u>Tên đơn vị</u> | <u>Địa chỉ</u> |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC (tỉnh Phú Thọ) | 580, Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Mã số chi nhánh: 2600106523-002 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng (*) | Tổ 15, khối Đà Sơn, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Mã số chi nhánh: 2600106523-003 |

Đến thời điểm hiện tại đơn vị đang thực hiện các thủ tục để giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần CMC tại Đà Nẵng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ

Tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|------------------------|----------------|---|
| Ông Dương Quốc Chính | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*) |
| Ông Nguyễn Quang Huy | Chủ tịch | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*) |
| Ông Tạ Quang Vững | Ủy viên | |
| Ông Kiều Thế Vinh | Ủy viên | |
| Ông Nguyễn Thành Chung | Ủy viên | |
| Ông Khổng Phan Đức | Ủy viên | |
| Bà Vũ Thị Loan | Ủy viên | |
| Ông Thái Hoàng Long | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2020 (**) |

Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|----------------------|---------------------------------------|---|
| Ông Nguyễn Quang Huy | Tổng Giám đốc | |
| Ông Dương Quốc Chính | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng | Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*) |
| Ông Đỗ Phúc Viện | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Tạ Quang Vững | Phó Tổng Giám đốc | |

Ban Kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|-----------------------|----------------|--|
| Bà Nguyễn Thị Ngân Hà | Trưởng ban | |
| Ông Nguyễn Minh Tuấn | Thành viên | |
| Ông Ngô Kim Văn | Thành viên | |

Kế toán trưởng

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | |
|-------------------------|----------------|---------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Bình Minh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020 (*) |

(*) Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban lãnh đạo theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2020/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 02 năm 2020.

(**) Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban lãnh đạo theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 09/2020-NQ-ĐHĐCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2020

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

ÁCH
KI
HÀ
/02/

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập và trình bày BCTC tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính chính tổng hợp giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phú Thọ, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

03
ÔN
NH
Ề
N
Đ

Số : 2207.02.01/2020/NVT2-BCTC
Ngày : 14 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần CMC

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần CMC, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2020 từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CMC chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

94
G
EM
I T
TÂN
A -

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty Cổ phần CMC tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1

2-C
TY
HỮU H
JÁN
VIỆ
T.P.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 563.883.956.031 | 619.828.714.883 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 45.048.205.215 | 78.804.143.927 |
| 1. Tiền | 111 | | 45.048.205.215 | 53.804.143.927 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 25.000.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 34.629.397.386 | 39.308.307.614 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 8.195.346.664 | 6.190.875.842 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 25.834.110.321 | 32.640.426.171 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 1.348.401.793 | 1.225.466.993 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (748.461.392) | (748.461.392) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV Hàng tồn kho | 140 | V.6 | 483.286.712.776 | 496.002.597.616 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 486.844.254.626 | 499.560.139.466 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (3.557.541.850) | (3.557.541.850) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 919.640.654 | 5.713.665.726 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | - | 21.821.015 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 919.640.654 | 5.691.736.941 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | 107.770 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 602.839.108.426 | 613.187.217.863 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 545.612.121.376 | 587.900.866.846 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 545.612.121.376 | 587.900.866.846 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 1.362.684.979.818 | 1.342.580.130.727 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (817.072.858.442) | (754.679.263.881) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 44.393.560.327 | 17.104.436.651 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.9 | 44.393.560.327 | 17.104.436.651 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 12.833.426.723 | 8.181.914.366 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 12.833.426.723 | 8.181.914.366 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.166.723.064.457 | 1.233.015.932.746 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 482.798.603.123 | 533.954.430.121 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 460.097.136.456 | 524.123.680.121 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 142.604.219.120 | 151.399.026.193 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11 | 4.572.179.441 | 29.645.146.209 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 16.389.748.377 | 7.801.378.530 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 7.902.577.741 | 29.580.235.304 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | 7.518.103.002 | 7.648.537.663 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 78.575.066.944 | 47.960.989.941 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15a | 197.124.475.022 | 247.465.608.070 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.16 | 5.410.766.809 | 2.622.758.211 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 22.701.466.667 | 9.830.750.000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.15b | 22.701.466.667 | 9.830.750.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 683.924.461.334 | 699.061.502.625 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 670.907.461.334 | 693.245.502.625 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 366.908.870.000 | 366.908.870.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 366.908.870.000 | 366.908.870.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 14.876.824.710 | 14.876.824.710 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 65.160.919.884 | 56.927.911.286 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 223.960.846.740 | 254.531.896.629 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 183.029.548.933 | 89.871.724.670 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 40.931.297.807 | 164.660.171.959 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 13.017.000.000 | 5.816.000.000 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | V.18 | 13.017.000.000 | 5.816.000.000 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.166.723.064.457 | 1.233.015.932.746 |

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Vũ Thị Thùy Linh

Nguyễn Thị Bình Minh

Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 529.808.867.696 | 621.187.412.389 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | 23.880.210.330 | 39.127.069.977 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 505.928.657.366 | 582.060.342.412 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 429.599.610.595 | 471.544.677.194 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 76.329.046.771 | 110.515.665.218 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 30.283.988 | 820.580.734 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 9.765.419.165 | 17.584.433.392 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 9.233.561.782 | 16.918.616.972 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 3.855.146.464 | 6.514.240.238 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 11.464.527.763 | 17.309.731.978 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 51.274.237.367 | 69.927.840.344 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 2.540.605 | 435.656.461 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 5.322.380 | 47.155.357 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (2.781.775) | 388.501.104 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 51.271.455.592 | 70.316.341.448 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.9 | 10.340.157.785 | 14.145.134.956 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>40.931.297.807</u> | <u>56.171.206.492</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | <u>1.171,35</u> | <u>1.607,48</u> |

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Thùy Linh

Nguyễn Thị Bình Minh

Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 51.271.455.592 | 70.316.341.448 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 62.393.594.561 | 60.995.872.530 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | - | 4.480.086.780 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | 193.068.532 | 118.826.035 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (26.043.888) | (760.545.033) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 9.233.561.782 | 16.918.616.972 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 123.065.636.579 | 152.069.198.732 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | 9.352.861.597 | 12.764.414.406 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 12.715.884.840 | (68.475.726.076) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | (61.835.055.512) | (53.831.187.742) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | (4.629.691.342) | (8.691.267.387) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (9.363.996.443) | (16.674.171.601) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (6.640.925.128) | (9.186.311.250) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 7.201.000.000 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (5.445.000.000) | (11.022.200.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 64.420.714.591 | (3.047.250.918) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | (60.831.712.371) | (8.772.527.523) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 124.296.576 | 760.545.033 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 28 | (60.707.415.795) | (8.011.982.490) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết số minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|----------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 430.657.362.861 | 566.593.104.379 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (468.127.779.242) | (493.045.515.496) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | (91.215.462.000) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | <i>(37.470.416.381)</i> | <i>(17.667.873.117)</i> |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> | <i>50</i> | <i>(33.757.117.585)</i> | <i>(28.727.106.525)</i> |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 V.1 | 78.804.143.927 | 62.430.398.333 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 1.178.873 | 5.099.737 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 V.1 | 45.048.205.215 | 33.708.391.545 |

Người lập biểu

Vũ Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bình Minh

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét và sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác..
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
 - Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác;
 - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
 - Xây dựng nhà các loại;
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
 - Lắp đặt hệ thống điện;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
 - Hoàn thiện công trình xây dựng;
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan. Chi tiết; Kinh doanh than nhiên liệu chất đốt;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị, vật liệu điện, máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp, xây dựng; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - Bán buôn tổng hợp (đối với ngành nghề có điều kiện phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi kinh doanh)
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón
 - Khai khoáng chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác caolin, fenspat./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. **Số lượng lao động đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là:** 835 người lao động
5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:** Không có.
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019..

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
2. **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá**
Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD, EUR,..v....

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020 cụ thể như sau:

Các khoản tiền gửi ngân hàng, ký quỹ ký cược, phải thu là tỷ giá mua chuyển khoản bình quân của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam là 23.115 VND/USD và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là 23.090 VND/USD và 25.358 VND/EUR.

Các khoản nợ phải trả là tỷ giá bán ra bình quân của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là 23.295 VND/USD và 26.607 VND/EUR.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân quý và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 05 – 15 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 08 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XDCBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 09/2020- NQ- ĐHĐCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2020 của Công ty như sau:

| | Mục đích | Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế | Số tiền |
|---------------------------|---|---|---------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty | 5% | 8.233.008.598 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động | 5% | 8.233.008.598 |

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 09/2020- NQ- ĐHĐCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2020. Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% tương ứng số tiền 55.036.330.500 VND

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

17. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

Y
DU
AN
VIET
I.P.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 755.160.551 | 846.799.445 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 44.293.044.664 | 52.957.344.482 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 25.000.000.000 |
| - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng | - | 25.000.000.000 |
| Cộng | <u>45.048.205.215</u> | <u>78.804.143.927</u> |

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty TNHH Hương Tài | - | 454.344.548 |
| Công ty TNHH TM Tuấn Hồng Phú Thọ | - | 261.586.248 |
| Công ty TNHH Thương Mại Cường Đạt | 234.351.583 | 224.112.075 |
| Công ty TNHH H.T.A | 492.483.534 | - |
| Công ty TNHH TLG Thăng Long | 4.182.783.315 | 675.667.258 |
| Công ty cổ phần Zetta Việt Nam | 816.164.935 | 1.143.732.928 |
| Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Vĩnh Phú | - | 745.794.845 |
| Các đối tượng khác | 2.469.563.297 | 2.685.637.940 |
| Cộng | <u>8.195.346.664</u> | <u>6.190.875.842</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Công ty cổ phần tập đoàn Vinatop (thiết bị) | 11.040.114.833 | 22.352.168.483 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí An Dương | 10.956.251.542 | 6.522.212.316 |
| Công ty TNHH Việt Hàn | 1.419.600.000 | - |
| Winlong trading co.,LTD | - | 1.340.487.150 |
| Các đối tượng khác | 2.418.143.946 | 2.425.558.222 |
| Cộng | <u>25.834.110.321</u> | <u>32.640.426.171</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Phải thu khác ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 397.389.488 | - | 191.389.488 | - |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 38.000.000 | - | 38.000.000 | - |
| Tổng công ty cổ phần Sông Hồng | 563.577.538 | 563.577.538 | 563.577.538 | 563.577.538 |
| Trường đào tạo Tổng sông hồng | 50.000.000 | 50.000.000 | 50.000.000 | 50.000.000 |
| Lãi dự thu Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn | - | - | 98.252.688 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 299.434.767 | - | 284.247.279 | - |
| Cộng | 1.348.401.793 | 613.577.538 | 1.225.466.993 | 613.577.538 |

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 236.401.103.494 | (2.233.219.343) | 232.817.875.747 | (2.233.219.343) |
| Công cụ, dụng cụ | 529.998.685 | - | 1.311.948.054 | - |
| Thành phẩm | 248.895.555.235 | (1.288.983.263) | 264.383.174.410 | (1.288.983.263) |
| Hàng hóa | 252.063.415 | (35.339.244) | 281.607.458 | (35.339.244) |
| Hàng gửi đi bán | 765.533.797 | - | 765.533.797 | - |
| Cộng | 486.844.254.626 | (3.557.541.850) | 499.560.139.466 | (3.557.541.850) |

7. Chi phí trả trước

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết tăng giảm Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Tăng trong kỳ | | Phân bổ vào chi phí trong kỳ | |
|------------------|-------------------|----------|------------------------------|------------|
| | Số đầu năm | | | Số cuối kỳ |
| Chi phí bảo hiểm | 21.821.015 | - | 21.821.015 | - |
| Cộng | 21.821.015 | - | 21.821.015 | - |

b) Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết tăng giảm Chi phí trả trước dài hạn:

| | Tăng trong kỳ | | Phân bổ vào chi phí trong kỳ | |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|------------------------------|-----------------------|
| | Số đầu năm | | | Số cuối kỳ |
| Chi phí sửa chữa cải tạo CMC1 | 473.586.919 | - | (312.400.782) | 161.186.137 |
| Chi phí sửa chữa cải tạo CMC2 | 2.033.138.472 | 2.443.705.711 | (1.080.920.493) | 3.395.923.690 |
| Phí hạ tầng khu công nghiệp | 285.898.074 | - | (4.337.088) | 281.560.986 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 5.389.290.901 | 7.408.118.120 | (3.802.653.111) | 8.994.755.910 |
| Cộng | 8.181.914.366 | 9.851.823.831 | (5.200.311.474) | 12.833.426.723 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---|------------------------|--------------------------|---------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm | 287.531.893.952 | 1.013.261.506.842 | 40.106.302.136 | 1.680.427.797 | 1.342.580.130.727 |
| Tăng trong kỳ do mua sắm mới | - | 18.588.266.364 | - | - | 18.588.266.364 |
| Tăng trong kỳ do đầu tư XDCB hoàn thành | 1.516.582.727 | - | - | - | 1.516.582.727 |
| Số cuối kỳ | 289.048.476.679 | 1.031.849.773.206 | 40.106.302.136 | 1.680.427.797 | 1.362.684.979.818 |

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 221.119.366.074 7.539.620.830 1.474.936.886 280.394.272.968

Giá trị hao mòn

| | | | | | |
|-------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 153.412.791.234 | 578.771.553.401 | 20.934.814.372 | 1.560.104.874 | 754.679.263.881 |
| Khấu hao trong kỳ | 13.606.249.502 | 46.044.617.059 | 2.714.112.092 | 28.615.908 | 62.393.594.561 |
| Số cuối kỳ | 167.019.040.736 | 624.816.170.460 | 23.648.926.464 | 1.588.720.782 | 817.072.858.442 |

Giá trị còn lại

| | | | | | |
|-------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 134.119.102.718 | 434.489.953.441 | 19.171.487.764 | 120.322.923 | 587.900.866.846 |
| Số cuối kỳ | 122.029.435.943 | 407.033.602.746 | 16.457.375.672 | 91.707.015 | 545.612.121.376 |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.003.191.105.899 VND và 459.377.638.219 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng Thương mại Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại Nhà máy CMC mở rộng.

| | <u>Năm nay</u> |
|---------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 17.104.436.651 |
| Tăng trong kỳ | 28.805.706.403 |
| Kết chuyển tăng tài sản cố định | <u>(1.516.582.727)</u> |
| Cộng | <u>44.393.560.327</u> |

10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Thương mại Hà Lan | 17.164.760.658 | 23.166.233.049 |
| Công ty TNHH Hoàn Cường | 5.616.172.048 | 8.171.920.542 |
| Công ty cổ phần thương mại và vận chuyển Bình Minh | 3.281.299.071 | 2.764.257.156 |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất & Thương mại Nguyên liệu Ceramic VN | 5.280.484.600 | 6.273.414.600 |
| Công ty TNHH Nam Giang Phú Thọ | 4.133.116.780 | 7.892.530.480 |
| Hãng Panson Ceramics (hongkong) | 6.266.098.755 | 5.940.816.970 |
| Công ty cổ phần tập đoàn Vinatop | 24.483.674.568 | 16.727.800.618 |
| Công ty Cổ phần Khoáng Sản Tây Bắc | 4.662.224.536 | 7.183.948.778 |
| Lide trading Co., Ltd | 5.010.119.245 | 4.332.859.615 |
| Công ty TNHH MTV vận tải Sơn Tùng BX | 4.553.675.500 | 1.128.277.200 |
| Foshan Winlong Trading Co.,LTD | 4.423.125.925 | 2.670.404.650 |
| Các đối tượng khác | 57.729.467.434 | 65.146.562.535 |
| Cộng | <u>142.604.219.120</u> | <u>151.399.026.193</u> |

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Hòa Bình Minh | 1.550.136.269 | - |
| Công ty Cổ phần TM Hòa Bình Minh | - | 9.119.167.189 |
| Công ty Cổ phần ITACA Việt Nam | 250.008.382 | 4.770.973.147 |
| Công ty TNHH Đại Long | 29.996.523 | 2.596.592.801 |
| Công ty Cổ phần phát triển Hòa Bình | 44.910.960 | 2.143.180.650 |
| Công ty Cổ Phần Gạch Men MILAN HOME | 1.277.514 | 1.615.829.923 |
| Công ty TNHH Hải Vinh | - | 3.133.067.000 |
| Công ty TNHH VINAMEN | 95.653.726 | 564.067.625 |
| Công ty TNHH Trường Thành Bắc Giang | 432.579.143 | 830.061.043 |
| Các đối tượng khác | 2.167.616.924 | 4.872.206.831 |
| Cộng | <u>4.572.179.441</u> | <u>29.645.146.209</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong kỳ | | Số cuối kỳ | |
|--|----------------------|----------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|----------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 56.957.245 | - | 4.877.813.208 | - | 4.934.770.453 | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 7.385.496.229 | (7.385.496.229) | - | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 107.770 | 153.364.595 | (45.327.566) | 107.929.259 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.092.010.468 | - | 10.340.157.785 | (6.640.925.128) | 10.791.243.125 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 652.410.817 | - | 437.963.851 | (1.056.547.765) | 33.826.903 | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | - | 521.978.637 | - | 521.978.637 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 4.000.000 | (4.000.000) | - | - |
| Cộng | 7.801.378.530 | 107.770 | 23.720.774.305 | (15.132.296.688) | 16.389.748.377 | - |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, thuế suất thuế GTGT như sau:

- + Sản phẩm tiêu thụ trong nước : 10%
- + Sản phẩm xuất khẩu : 0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 185.519.130 | 315.953.791 |
| Tiền thuê đất phải nộp bổ sung | 7.332.583.872 | 7.332.583.872 |
| Cộng | <u>7.518.103.002</u> | <u>7.648.537.663</u> |

14. Phải trả khác ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 1.543.191.415 | 1.081.971.565 |
| Bảo hiểm xã hội | 1.482.247.160 | 620.698.183 |
| Cổ tức phải trả | 55.988.818.895 | 952.488.395 |
| Phải trả đại lý tiền chiết khấu, đặt cọc | 11.630.356.685 | 37.392.502.370 |
| Thưởng kế hoạch 2016 | 2.541.150.000 | 2.541.150.000 |
| Thưởng kế hoạch 2017 | 3.541.800.000 | 3.541.800.000 |
| Tiền ủng hộ của CBNV | 969.760.279 | 1.083.260.279 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 877.742.510 | 747.119.149 |
| Cộng | <u>78.575.066.944</u> | <u>47.960.989.941</u> |

15. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối kỳ</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số có khả năng trả nợ</u> |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 177.961.494.261 | 177.961.494.261 | 213.330.045.790 | 213.330.045.790 |
| <i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (1)</i> | 40.212.554.862 | 40.212.554.862 | 47.295.537.806 | 47.295.537.806 |
| <i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (2)</i> | 64.698.118.696 | 64.698.118.696 | 84.855.577.565 | 84.855.577.565 |
| <i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (3)</i> | 73.050.820.703 | 73.050.820.703 | 81.178.930.419 | 81.178.930.419 |
| Vay ngắn hạn cá nhân khác | 4.797.675.686 | 4.797.675.686 | 9.279.867.034 | 9.279.867.034 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 14.365.305.075 | 14.365.305.075 | 24.855.695.246 | 24.855.695.246 |
| <i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (4)</i> | 7.510.081.742 | 7.510.081.742 | 16.599.445.246 | 16.599.445.246 |
| <i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (5)</i> | 4.671.713.333 | 4.671.713.333 | 3.256.250.000 | 3.256.250.000 |
| <i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6)</i> | 2.183.510.000 | 2.183.510.000 | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Cộng | <u>197.124.475.022</u> | <u>197.124.475.022</u> | <u>247.465.608.070</u> | <u>247.465.608.070</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/7190810/HĐTĐ ngày 14/8/2019, hạn mức cấp tín dụng là 200.000.000.000 VND, bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn và mở L/C từ hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/399109/HĐTĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 chuyển sang; mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2020. Khoản vay được đảm bảo bằng các Hợp đồng thế chấp sau:

- + Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2014/399/109/HĐBĐ ngày 28/10/2014
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2016/399109/HĐBĐ ngày 04/7/2016
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/399109/HĐBĐ ngày 12/4/2019

2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 19/DN-DB/NHHM390 ngày 11 tháng 11 năm 2019, hạn mức cho vay là 100.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này, thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân, mục đích sử dụng vốn vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B11 khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 14/BĐS/445.A ngày 25 tháng 9 năm 2014

+ Máy móc thiết bị thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B11 khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng thế chấp số 14/MMTB/445.B ngày 25 tháng 9 năm 2014

+ Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 17/TSTĐHTTTL/VCB-VTB-CMC266.01 ngày 23 tháng 05 năm 2017.

+ Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 17/TSTĐHTTTL/VCB-VTB-CMC266.02 ngày 23 tháng 05 năm 2017

(3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0201/2020-HĐCVHM/NHCT244 - Công ty cổ phần CMC ngày 25 tháng 02 năm 2020, hạn mức cho vay là 180.000.000.000 VND, bao gồm toàn bộ dư nợ vay từ hợp đồng tín dụng số 181219/2018-HĐCVHM/NHCT24-CTCPCMC ngày 19 tháng 12 năm 2018; mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 25 tháng 02 năm 2021.

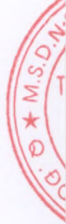
(4) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng số 14251005/2014-HDDTDDDA/NHCT244-CTCPCMC ngày 08 tháng 11 năm 2014, số tiền vay không vượt quá 194.000.000.000 VND, mục đích đầu tư xây dựng nhà máy gạch CMC số 2 - giai đoạn 2, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, tài sản đảm bảo là nhà xưởng, các công trình, máy móc thiết bị của nhà máy CMC số 2 - giai đoạn 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Kết chuyển từ vay dài hạn đến hạn trả | Số tiền vay đã trả trong kỳ | Số cuối kỳ |
|--|------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 213.330.045.790 | 410.059.672.861 | - | (445.428.224.390) | 177.961.494.261 |
| Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (1) | 47.295.537.806 | 126.331.101.031 | - | (133.414.083.975) | 40.212.554.862 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (2) | 84.855.577.565 | 72.389.364.578 | - | (92.546.823.447) | 64.698.118.696 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (3) | 81.178.930.419 | 211.339.207.252 | - | (219.467.316.968) | 73.050.820.703 |
| Vay ngắn hạn cá nhân | 9.279.867.034 | 3.628.000.000 | - | (8.110.191.348) | 4.797.675.686 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 24.855.695.246 | - | 4.098.973.333 | (14.589.363.504) | 14.365.305.075 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ (4) | 16.599.445.246 | - | - | (9.089.363.504) | 7.510.081.742 |
| Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (5) | 3.256.250.000 | - | 1.915.463.333 | (500.000.000) | 4.671.713.333 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6) | 5.000.000.000 | - | 2.183.510.000 | (5.000.000.000) | 2.183.510.000 |
| Cộng | 247.465.608.070 | 413.687.672.861 | 4.098.973.333 | (468.127.779.242) | 197.124.475.022 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (5) | 13.967.426.667 | 13.967.426.667 | 9.830.750.000 | 9.830.750.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6) | 8.734.040.000 | 8.734.040.000 | - | - |
| Cộng | 22.701.466.667 | 22.701.466.667 | 9.830.750.000 | 9.830.750.000 |

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 01/2018/399109/HĐTD ngày 03 tháng 12 năm 2018, mục đích vay đầu tư bổ sung thiết bị nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm cho dây chuyền sản xuất - Nhà máy gạch CMC số 1, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay là 9,8%/năm, tài sản đảm bảo căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2018/399109/HĐBĐ.

+Hợp đồng tín dụng số 04/2019/399109/HĐTD ngày 24 tháng 12 năm 2019, hạn mức cho vay là 10.000.000.000VND, mục đích vay đầu tư TSCĐ gián tiếp để thanh toán chi phí liên quan phương án đầu tư thay thế trạm sấy phun, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Các Hợp đồng thế chấp tài sản kèm theo Hợp đồng tín dụng này

- Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01/2014/399/109/HĐBĐ ngày 28/10/2014
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2016/399109/HĐBĐ ngày 04/7/2016
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/399109/HĐBĐ ngày 12/4/2019
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 03/2019/399109/HĐBĐ ngày 24/12/2019

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 20BB/DN-DB/THTL03 ngày 10/01/2020, số tiền vay là 15.000.000.000 VND, mục đích vay tài trợ nhu cầu đầu tư mới dây chuyền lò nung gạch men ốp lát tại Dây chuyền sản xuất số 1 - Nhà máy gạch CMC số 2, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B11 khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 14/BĐS/445.A ngày 25 tháng 9 năm 2014.

+ Máy móc thiết bị thuộc nhà máy gạch CMC số 2 (giai đoạn 1) tại lô B10, B11 khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng thế chấp số 14/MMTB/445.B ngày 25 tháng 9 năm 2014.

+ Dây chuyền máy mài gạch cạnh đảo chiều kiểu khô + bộ tách bụi và Máy in HOPEJET YHZ700/5 theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 16/MMTB/435-01 ký ngày 30/11/2016.

+ Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 17/TSTĐHTTTL/VCB-VTB-CMC266.01 ngày 23 tháng 05 năm 2017.

+ Máy móc thiết bị của nhà máy gạch CMC số 2, giai đoạn 3 theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 19/MMTB/390 ký ngày 11/11/2019.

+ Hàng hóa luân chuyển của Công ty cổ phần CMC theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 19/HTK/390 ký ngày 11/11/2019.

+ Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 20BB/MMTBTL/03 ký ngày 10/1/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả | Số cuối kỳ |
|--|----------------------|--------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| <i>Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (5)</i> | 9.830.750.000 | 6.052.140.000 | (1.915.463.333) | 13.967.426.667 |
| <i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ (6)</i> | - | 10.917.550.000 | (2.183.510.000) | 8.734.040.000 |
| Cộng | 9.830.750.000 | 16.969.690.000 | (4.098.973.333) | 22.701.466.667 |

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Trích quỹ trong kỳ | Chi quỹ trong kỳ | Số cuối kỳ |
|--------------------------|----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 2.622.758.211 | 8.233.008.598 | (5.445.000.000) | 5.410.766.809 |
| Cộng | 2.622.758.211 | 8.233.008.598 | (5.445.000.000) | 5.410.766.809 |

203

ÔN

HI

IÊM

ÂN T

Đ/

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10.B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số đầu năm trước | 366.908.870.000 | 14.876.824.710 | 48.828.586.336 | 197.797.592.070 | 628.411.873.116 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 164.660.171.959 | 164.660.171.959 |
| Trả cổ tức bằng tiền | - | - | - | (91.727.217.500) | (91.727.217.500) |
| Trích lập các quỹ | - | - | 8.099.324.950 | (16.198.649.900) | (8.099.324.950) |
| Số cuối năm trước | 366.908.870.000 | 14.876.824.710 | 56.927.911.286 | 254.531.896.629 | 693.245.502.625 |
| Số dư đầu năm nay | 366.908.870.000 | 14.876.824.710 | 56.927.911.286 | 254.531.896.629 | 693.245.502.625 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | - | - | - | 40.931.297.807 | 40.931.297.807 |
| Trả cổ tức bằng tiền (*) | - | - | - | (55.036.330.500) | (55.036.330.500) |
| Trích lập các quỹ | - | - | 8.233.008.598 | (16.466.017.196) | (8.233.008.598) |
| Số cuối kỳ | 366.908.870.000 | 14.876.824.710 | 65.160.919.884 | 223.960.846.740 | 670.907.461.334 |

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 số 09/2020- NQ- ĐHĐCĐTN ngày 27 tháng 6 năm 2020 của Công ty như sau:

| | Mục đích | Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế | Số tiền |
|---------------------------|---|---------------------------------------|----------------|
| Cổ tức | Trả cổ tức bằng tiền cho Cổ đông | 15% | 55.036.330.500 |
| Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty | 5% | 8.233.008.598 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động | 5% | 8.233.008.598 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/2020/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc Chốt danh sách cổ đông thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 – Theo Nghị Quyết ĐHĐCĐTN năm 2020. Theo đó Ngày đăng ký cuối cùng là 20 tháng 8 năm 2020 và ngày thực hiện là 10 tháng 9 năm 2020.

c) Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 36.690.887 | 36.690.887 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 36.690.887 | 36.690.887 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 36.690.887 | 36.690.887 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 36.690.887 | 36.690.887 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 36.690.887 | 36.690.887 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Nguồn kinh phí

Là Khoản kinh phí được cấp theo Quyết định số 18-/QĐ-NATIF-HĐQL năm 2017 của Quỹ đổi mới công nghệ Quốc gia thuộc Bộ Khoa học Công nghệ về việc phê duyệt cấp kinh phí thực hiện dự án “Nghiên cứu làm chủ, ứng dụng công nghệ sản xuất gạch Granite thấm muối tan công suất 3.000.000 m²/năm”. Theo đó tổng số kinh phí được tài trợ từ quỹ là 15.757.000.000 đồng. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Quỹ đã giải ngân về cho Công ty số tiền là 13.017.000.000 đồng.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ

a) Ngoại tệ các loại

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------|-------------------|-------------------|
| Ngoại tệ các loại | | |
| Dollar Mỹ (USD) | 10.752,65 | 9.265,61 |
| Euro (EUR) | 2.578,5 | 2.755,0 |

b) Nợ khó đòi đã xử lý

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|-------------------|-------------------|
| Nợ khó đòi đã xử lý năm 2017 | 584.352.672 | 584.352.672 |
| Nợ khó đòi đã xử lý năm 2018 | 539.031.714 | 539.031.714 |
| Nợ khó đòi đã xử lý năm 2019 | 2.434.936.021 | 2.434.936.021 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng doanh thu | 529.808.867.696 | 621.187.412.389 |
| + <i>Doanh thu bán thành phẩm</i> | 525.373.852.797 | 617.389.310.381 |
| + <i>Doanh thu khác</i> | 4.435.014.899 | 3.798.102.008 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | (23.880.210.330) | (39.127.069.977) |
| + <i>Chiết khấu thương mại</i> | (22.055.290.965) | (38.922.718.193) |
| + <i>Hàng bán trả lại</i> | (1.366.456.615) | (165.645.784) |
| + <i>Giảm giá hàng bán</i> | (458.462.750) | (38.706.000) |
| Doanh thu thuần | 505.928.657.366 | 582.060.342.412 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 105.141.043 | 715.262.473 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 429.494.469.552 | 466.945.016.901 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | 3.884.397.820 |
| Cộng | 429.599.610.595 | 471.544.677.194 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi | 26.043.888 | 760.545.033 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 4.240.100 | 60.035.701 |
| Cộng | 30.283.988 | 820.580.734 |

4. Chi phí tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 9.233.561.782 | 16.918.616.972 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 326.516.124 | 546.990.385 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 193.068.532 | 118.826.035 |
| Chi phí tài chính khác | 12.272.727 | - |
| Cộng | 9.765.419.165 | 17.584.433.392 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 1.175.135.840 | 1.842.144.228 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 524.689.488 | 182.826.426 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.329.271.132 | 3.561.478.675 |
| Chi phí bằng tiền khác | 826.050.004 | 927.790.909 |
| Cộng | 3.855.146.464 | 6.514.240.238 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí cho nhân viên | 5.096.778.224 | 7.605.407.194 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.161.935.932 | 1.117.928.370 |
| Thuế, phí và lệ phí | 2.867.030 | 4.184.421 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | - | 595.688.960 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.048.281.910 | 4.291.517.095 |
| Chi phí bằng tiền khác | 2.154.664.667 | 3.695.005.938 |
| Cộng | 11.464.527.763 | 17.309.731.978 |

7. Thu nhập khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Xử lý công nợ không phải thanh toán | - | 324.682.000 |
| Thu nhập khác | 2.540.605 | 110.974.461 |
| Cộng | 2.540.605 | 435.656.461 |

8. Chi phí khác

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí khác | 5.322.380 | 47.155.357 |
| Cộng | 5.322.380 | 47.155.357 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 51.271.455.592 | 70.316.341.448 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 429.333.331 | 409.333.331 |
| + Chi phí khấu hao | 379.333.331 | 379.333.331 |
| + Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành | 50.000.000 | 30.000.000 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 51.700.788.923 | 70.725.674.779 |
| Thu nhập tính thuế | 51.700.788.923 | 70.725.674.779 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 10.340.157.785 | 14.145.134.956 |

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 40.931.297.807 | 56.171.206.492 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | 2.046.564.890 | 2.808.560.325 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 42.977.862.697 | 58.979.766.817 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 36.690.887 | 36.690.887 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.171,35 | 1.607,48 |

(*) Số trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi kỳ này được ước tính 5% Lợi nhuận năm 2020

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 36.690.887 | 36.690.887 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 36.690.887 | 36.690.887 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 288.316.786.911 | 391.531.380.189 |
| Chi phí nhân công | 30.750.427.273 | 51.009.492.064 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 4.118.908.041 | 2.558.097.317 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 62.393.594.561 | - 60.995.872.530 |
| Chi phí dự phòng | - | 4.480.086.780 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 40.603.806.567 | 56.073.267.579 |
| Chi phí khác bằng tiền | 3.143.001.251 | 4.785.750.818 |
| Cộng | 429.326.524.604 | 571.433.947.277 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Ban Lãnh đạo | | |
| Tiền lương, thưởng | 605.548.313 | 1.665.271.837 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | 10.489.610.250 |
| Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | | |
| Phụ cấp | 211.000.000 | 211.000.000 |

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty Cổ phần CMC là sản xuất gạch men các loại và toàn bộ hoạt động của Công ty hầu hết ra trên lãnh thổ Việt Nam, doanh thu xuất khẩu chiếm dưới 5%. Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này nên Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | |
| Vay và nợ | 197.124.475.022 | 22.701.466.667 | - | 219.825.941.689 |
| Phải trả người bán | 142.604.219.120 | - | - | 142.604.219.120 |
| Các khoản phải trả khác | 93.995.747.687 | - | - | 93.995.747.687 |
| Cộng | 433.724.441.829 | 22.701.466.667 | - | 456.425.908.496 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 247.465.608.070 | 9.830.750.000 | - | 257.296.358.070 |
| Phải trả người bán | 151.399.026.193 | - | - | 151.399.026.193 |
| Các khoản phải trả khác | 85.189.762.908 | - | - | 85.189.762.908 |
| Cộng | 484.054.397.171 | 9.830.750.000 | - | 493.885.147.171 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 45.048.205.215 | 78.804.143.927 | 45.048.205.215 | 78.804.143.927 |
| Phải thu khách hàng | 8.092.577.010 | 4.684.844.072 | 8.092.577.010 | 4.684.844.072 |
| Các khoản phải thu khác | 734.824.055 | 611.889.255 | 734.824.055 | 611.889.255 |
| Cộng | 53.875.606.280 | 84.100.877.254 | 53.875.606.280 | 84.100.877.254 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | 219.825.941.689 | 257.296.358.070 | 219.825.941.689 | 257.296.358.070 |
| Phải trả người bán | 142.604.219.120 | 151.399.026.193 | 142.604.219.120 | 151.399.026.193 |
| Các khoản phải trả khác | 93.995.747.687 | 85.189.762.908 | 93.995.747.687 | 85.189.762.908 |
| Cộng | 456.425.908.496 | 493.885.147.171 | 456.425.908.496 | 493.885.147.171 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP.Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt. Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày lại như sau:

| | Mã số | Số liệu theo BCTC đã kiểm toán năm trước | Số liệu điều chỉnh lại | Số liệu Sau điều chỉnh |
|--|-------|--|------------------------|------------------------|
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp | | | | |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 617.389.310.381 | 3.798.102.008 | 621.187.412.389 |
| Thu nhập khác | 31 | 4.233.758.469 | (3.798.102.008) | 435.656.461 |

Lập ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Vũ Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bình Minh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

| Tên đối tượng | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|------------------------|-------------|-----------------|------------------------|-------------|-----------------|
| | Thời gian quá hạn | Số dư | Số đã trích lập | Thời gian quá hạn | Số dư | Số đã trích lập |
| Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Hoàng Dương | Quá hạn trên 3 năm | 18.469.335 | (18.469.335) | Quá hạn trên 3 năm | 18.469.335 | (18.469.335) |
| Công ty cổ phần đầu tư TM & DV Thành Đạt | Quá hạn trên 3 năm | 5.000.000 | (5.000.000) | Quá hạn trên 3 năm | 5.000.000 | (5.000.000) |
| Công Ty TNHH TM và Vật Liệu Xây Dựng Thành Phát | Đã xóa nợ | - | - | Đã xóa nợ | - | - |
| Cửa hàng Quảng Hương | Quá hạn trên 3 năm | 12.384.200 | (12.384.200) | Quá hạn trên 3 năm | 12.384.200 | (12.384.200) |
| Cửa hàng Đỗ Quang Hiệp | Quá hạn trên 3 năm | 84.500 | (84.500) | Quá hạn trên 3 năm | 84.500 | (84.500) |
| Tổng Công ty Sông Hồng | Quá hạn trên 3 năm | 563.577.738 | (563.577.738) | Quá hạn trên 3 năm | 563.577.738 | (563.577.738) |
| Trường đào tạo Sông Hồng | Quá hạn trên 3 năm | 50.000.000 | (50.000.000) | Quá hạn trên 3 năm | 50.000.000 | (50.000.000) |
| Công ty luật Hợp danh Hùng Vương | Quá hạn trên 3 năm | 20.000.000 | (20.000.000) | Quá hạn trên 3 năm | 20.000.000 | (20.000.000) |
| Công ty TNHH Vũ Quốc | Quá hạn trên 3 năm | 12.114.000 | (12.114.000) | Quá hạn trên 3 năm | 12.114.000 | (12.114.000) |
| Công ty TNHH Bao Bì Quang Hưng | Quá hạn từ 1 đến 2 năm | 5.503.980 | (2.751.990) | Quá hạn từ 1 đến 2 năm | 5.503.980 | (2.751.990) |
| Công ty TNHH MTV Xây dựng và thương mại Mai Hưng | Quá hạn từ 1 đến 2 năm | 2.411.720 | (1.205.860) | Quá hạn từ 1 đến 2 năm | 2.411.720 | (1.205.860) |
| Công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Trường Thịnh | Quá hạn từ 1 đến 2 năm | 9.454.916 | (4.727.459) | Quá hạn từ 1 đến 2 năm | 9.454.916 | (4.727.459) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CMC

Địa chỉ: Lô B10,B11, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

| Tên đối tượng | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--------------------------------|------------------------|--------------------|----------------------|------------------------|--------------------|----------------------|
| | Thời gian quá hạn | Số dư | Tên đối tượng | Thời gian quá hạn | Số dư | Tên đối tượng |
| Công ty cổ phần Hoàng Long Yên | Quá hạn từ 1 đến 2 năm | 19.470.200 | (9.735.100) | Quá hạn từ 1 đến 2 năm | 19.470.200 | (9.735.100) |
| Đối tượng khác (Chi nhánh HCM) | Quá hạn trên 3 năm | 48.411.210 | (48.411.210) | Quá hạn trên 3 năm | 48.411.210 | (48.411.210) |
| Tổng | | 766.881.799 | (748.461.392) | | 766.881.799 | (748.461.392) |

